CẦN CÓ MỘT CUỐN TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ LƯU TRỮ VIỆT NAM CHUẨN MỰC

Vương Đình Quyền

1. **TẦM QUAN TRỌNG CỦA THUẬT NGỮ VÀ TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ CHUYÊN NGÀNH**.

Thuật ngữ là từ ngữ dùng để biểu thị khái niệm của một khoa học hay môt ngành chuyên môn, nghiệp vụ nào đó. Ví dụ, thuật ngữ toán học, thuật ngữ sinh học, thuật ngữ cầu đường, thuật ngữ khảo cổ học, thuật ngữ kế toán-tài vụ, thuật ngữ lưu trữ… Hệ thống thuật ngữ của một ngành là tổng hợp toàn bộ khái niệm về ngành đó. Theo tôi, đó là một bộ phận trong tri thức cơ bản của một khoa học, một ngành chuyên môn, cho nên cần được hiểuchính xác bản chất (nội hàm) của khái niệm. Vì rằng, việc định nghĩa hay giải thích thuật ngữ liên quan mật thiết với việc sử dụng và vận dụng thuật ngữ đó trong nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. Nếu hiểu sai hoặc không sử dụng, vận dụng dúng đắn các thuật ngữ có liên quan, sẽ ảnh hưởng đến kết quả nghiên cứu cũng như các hoạt động thực tiễn của ngành chuyên môn đó với mức độ nhất định, tùy theo từng trường hợp cụ thể. Bởi thế, tại không ít văn bản quy phạm pháp luật, trong nhiều đề tài nghiên cứu và ở một số hội thảo khoa học, việc làm trước tiên của các tác giả văn bản, đề tài và cơ quan chủ trì hội thảo là giải thích các thuật ngữ chủ yếu được đề cập trong nội dung văn bản pháp luật, đề tài, hoặc thuộc chủ dề của hội thảo để các đối tượng thi hành, người nghe, người thẩm định, cử tọa hiểu đúng nội dung văn bản, hoặc đanh giá được trình độ, khả năng nhận thức và vận dụng của tác giả, chất lượng của đề tài nghiên cứu, những vấn đề mà hội thảo cần làm sáng tỏ...Đối với một ngành chuyên môn, hệ thống thuật ngữ thường được tập hợp và giải thích trong cuốn từ điển thuật ngữ của ngành đó. Thông thừơng, từ điển này được biên soạn bởi tập thể các nhà chuyên môn có uy tin của ngành, chủ trì việc biên soạn và xuất bản là cơ quan khoa học hoặc cơ quan quản lý nhà nước của ngành đó. Ngoài ra cũng có thể do một người hoặc một nhóm người biên soạn và tự chịu trách nhiệm cả khâu xuất bản. Từ điển thuật ngữ của một ngành chuyên môn do ngành đó tổ chức biên soạn và xuất bản thường được xem là công cụ tra cứu chủ yếu và tin cậy nhất về hệ thống khái niệm của ngành trong nghiên cứu khoa học và trong hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, quản lý và chỉ đạo của ngành. Từ điển Lưu trữ Việt Nam do Cục Lưu trữ nhà nước tổ chúc biên soạn và ấn hành năm1992 đã một thời đóng vai trò như vậy.Ví dụ, về lập hồ sơ, có thể tìm thấy ở Từ điển Lưu trữ Việt Nam các thuật như “hồ sơ”,“danh mục hồ sơ”, “lập hồ sơ”…Thuật ngữ “hồ sơ” được Từ điển giải thích: “Tập gồm toàn bộ (hoặc một) tài liệu có liên quan với nhau về một vấn đề, một sự việc, một đối tượng cụ thể hoặc có cùng một đặc điểm về thể loại hoặc về tác giả…hinh thành trong quá trình giải quyết công việc thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của một cơ quan hay của một cá nhân. Một hồ sơ có thể là một hoặc gồm nhiều đơn vị bảo quản. Mỗi đơn vị bảo quản được đặt trong một tờ bìa riêng và không dày quá 4cm”[[1]](#footnote-1) Giải thích khái niệm “hồ sơ” của Từ điển đã giúp người đọc hiểu được nội hàm của khái niệm hồ sơ : a)/Gồm toàn bộ (hoặc môt ) tài liệu có liên quan với nhau về một vấn đề, một sự việc, một đối tượng cụ thể, hoặc cùng chung đặc điểm về hinh thức như tác giả, tên gọi… hinh thành trong quá trình giải quyết công việc thuộc trách nhiệm của cơ quan hoặc của cá nhân. Nói cách khac,hồ sơ phải có mối liên hệ lịch sử hoặc logic. b) Một hồ só có thể chỉ một hoặc gồm nhiều đơn vị bảo quản nếu hồ sơ đó dày quá 4cm.

Về thuật ngữ “danh mục hồ sơ”, được Từ điển trên giải thch: “Bảng kê có hệ thống các hồ sơ dự kiến lập trong năm của một cơ quan, một đơn vị tổ chức hay của một ngành kèm theo ký hiệu và thời hạn bảo quản của hồ sơ và được xây dựng theo một chế độ đã được quy định”[[2]](#footnote-2). Với giải thích này, người đọc hiểu rằng: a) Danh mục hồ sơ là bảng kê tên các hồ sơ dự kiến lập trong năm của một cơ quan hay mội đơn vị tổ chức của cơ quan. Điều đó có nghĩa có thể lập danh mục hồ sơ cho cả cơ quan hoặc chỉ một đơn vị tổ chức của cơ quan ( còn ý: “hay của một ngành” trong giải thích của từ điển theo tôi là không chính xác). b) Hồ sơ dự kiến lập phải ghi ký hiệu và xác định thời hạn bảo quản c) Hồ sơ trong danh muc phải được phân loại, săp xếp… theo đúng qui định của cơ quan.

Tóm lại, thuật ngữ là một bộ phận cấu thành cơ bản của một khoa hoc, một ngành chuyên môn, hiểu và giải thích chính xác bản chất của khái niệm, biết cách sử dụng, vận dụng vào các trường hợp cụ thể là một trong những nhân tố giúp cho việc nghiên cứu lý luận và hoạt động thực tiễn của ngành đó đạt kết quả mong muốn. Chính vì vậy, lưu trữ nhiều quốc gia và các tổ chức lưu trữ quốc tế như Hội đồng Lưu trữ quốc tế (ICA), Hội nghị Lãnh đạo Lưu trữ các nước XHCH trước đây (Tổ chức này đã giải thể đầu thập niên 1990 sau khi Liên Xô tan rã) đã rất quan tâm đến việc biên soạn từ điển thuật ngữ lưu trữ để sử dụng trong phạm vi quốc gia hoặc các nước hữu quan. Ví dụ: Từ năm 1984, Hội đông Lưu trữ quốc tế đã tổ chức biên soạn và xuất bản cuốn Từ điển thuật ngữ lưu trữ bằng tiêng Anh và tiếng Pháp; đến năm 1988, Từ điển này đã được được tái bản (có bổ sung và sửa chữa); Lưu trữ các nước thuộc tổ chức “Hội nghị lãnh đạo Lưu trữ các nước XHCN” đã hợp tác biên soạn và xuất bản cuốn Từ điển thuật ngữ lưu trữ các nước XHCN (năm 1978) bằng 6 thứ tiếng Nga, Đức, Bungari, Hungari, Ba Lan và Việt Nam để dùng chung trong các nước XHCN của tổ chức nói trên. Ở Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về công tác lưu trữ cũng đã sớm quan tâm đến vấn đề này. Năm 1992, Cục Lưu trữ nhà nước đã ấn hành cuốn “Từ điển Lưu trữ Việt Nam” do môt số cán bộ của Cục Lưu trữ Đảng, Cục Lưu trữ nhà nước và giảng viên Bộ môn Lưu trữ hoc, Khoa Lịch sử Trường ĐHTH Hà Nội biên soạn với chủ biên là Nguyễn Hữu Thời, cán bộ Cục Lưu trữ nhà nước. Từ điển được biên soạn chủ yếu căn cứ vào thực tiễn lưu trữ Việt Nam, đồng thời tham khảo các từ điển thuật ngữ lưu trữ của quốc tế, trong đó quan trọng nhất là hai cuốn từ điển thuật ngữ lưu trữ nói trên. Việc tham khảo thuật ngữ lưu trữ quốc tế giường như là tất yếu, bởi vì lưu trữ học cũng giống như nhiều khoa học khác, trước hết là thành quả chung của nhân loại, là tri thức được đúc kết từ thực tiễn công tác lưu trữ của nhiều nước và không ngùng được bổ sung, hoàn thiện qua sự nghiên cứu của nhiều thế hệ các nhà lưu trữ học và những người lam công tác lưu trữ các quốc gia trên thế giới. Đặc biệt, trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, tính quốc tế càng cần được đề cao. Vì rằng, nếu các thuật ngữ lưu trữ được nhận thức, sử dụng và vận dụng một cách thống nhât giữa các quốc gia, sẽ tạo thuận lợi cho việc trao đổi, phổ biến, học tập lẫn nhau về chuyên môn, nghiệp vụ... Tuy nhiên, cũng cần phải thấy rằng, cuốn sách công cụ của ngành Lưu trữ Việt Nam nói trên được biên soạn ở giai đoạn công tác lưu trữ Việt Nam chưa phát triển, nhiều tiến bộ của khoa học và công nghệ chưa được áp dụng; hơn nữa, lúc bấy giờ, kiến thức lý luận và kinh nghiệm thực tiễn của những người tham gia biên soạn cũng còn những hạn chế nhất định.Điều đó khiến Từ điển không tránh khỏi những khiếm khuyết như: Nhiều thuật ngữ chưa được đưa vào từ điển, cả cuốn từ điển chỉ có 347 mục từ; một số thuật ngữ chưa được giải thích chính xác đúng với nội hàm của khái niệm…Nhưng nếu nhìn tổng thể, có thể thấy đa phần thuật ngữ đã được Từ điển giải thích chính xác hoặc tương đối chính xác, phù hợp với thực tiễn lưu trữ Việt Nam ở giai đoạn lịch sử nhất định . Bởi vậy, không thể phủ nhận vai trò lịch sử từng là công cụ tra cứu khoa học quan trọng trong nghiên cứu và hoạt động thực tiễn của công tác lưu trữ Việt Nam

**II TẠI SAO CẦN BIÊN SOẠN TỪ ĐIỂN THUÂT NGỮ LƯUTRỮ CHUẨN MỰC.**

**1. Từ điển Lưu trữ Việt Nam (1992) không còn thích ứng với Lưu trữ Việt Nam hiện đại.** Thể hiện ở các điểm sau:

**1/**Trong ngót 30 năm qua, lưu trữ học thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng đã có bước phát triển lớn theo đà tiến bộ của khoa học kỹ thuật, đặc biệt là sự phát triển của công nghệ thông tin. Ví dụ, từ cuối thế kỷ XX trở về trước, văn bản hình thành trong hoạt động của các cơ quan, tổ chúc chủ yếu là tài liệu giấy, vậy nên tài liệu được giao nộp vào lưu trữ cũng hầu hết là loại tài liệu này. Thế nhưng, những năm gần đây, với chủ trương của Nhà nước đẩy mạnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; thực hiện văn phòng không giấy tờ; xây dựng nền kinh tế số, văn bản số hay tài liệu só (tài liệu tin học) đã và sẽ dần thay thế tài liệu giấy. Những thay đổi mang tính cách mạng nảy ở những mức độ khác nhau cũng làm thay đổi nhiều nghiệp vụ lưu trữ. Chẳng hạn,việc sử dụng tài liệu lưu trữ ở các lưu trữ cơ quan cũng như lưu trữ nhà nước trước đây chủ yếu tra tìm bằng công cụ thủ công,như mục lục hồ sơ, thẻ chuyên đề, thẻ hệ thống và trực tiếp đọc tài liệu trên hồ sơ, nhưng hiện nay khi công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong công tác lưu trữ, thì hình thức sử dụng tài liệu lưu trữ phổ biến phải là internet, tra tìm tài liệu chủ yếu phải dựa vào cơ sở dữ liệu. Việc ứng dụng công nghệ chắc chắn hoặc ít hoặc nhiều sẽ làm thay đổi khái niệm của các thuật ngữ có liên quan như “bổ sung tài liệu”, “sử dụng tài liệu lưu trữ”, “công cụ tra cứu khoa học”... Như vậy, giải thích trước đây của một số thuật ngữ không còn chính xác, cần được giải thích lại; đồng thời từ điển phải bổ sung nhiều thuật ngữ mới như” dữ liệu”, “xây dựng cơ sở dữ liệu”,” truy cập thông tin”,v.v…

2/ Một số thuật ngữ của Từ điển chưa giải thích chính xác nội hàm của khái niệm. Xin nêu một vài ví dụ:

Thuật ngữ “Nhân viên lưu trữ” được giải thích: “Một chức danh của ngành Lưu trữ được Nhà nước công nhận dùng để chỉ những cán bộ có trình độ sơ cấp về nghiệp vụ chuyên môn, làm nghiệp vụ có độ phức tạp thấp như tiếp nhận, đăng ký, chuyển giao công văn đi, công văn đến của cơ quan, đơn vị, xí nghiệp”[[3]](#footnote-3). Từ điển đã có sự nhầm lẫn công việc cuả nhân viên lưu trữ với công việc của nhân viên văn thư. Trong lúc đó, thuật ngữ “nhân viên văn thư” lại không giải thích rõ nhũng công việc mà nhân viên văn thư có thể làm[[4]](#footnote-4). Hay như có sự mâu thuẫn, không đồng nhất trong giải thích thuật ngữ “Phông lưu trữ quốc gia nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” với thuật ngữ “Phông lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam”. Theo giải thích của thuật ngữ”Phông lưu trữ Quốc gia nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ”thi Phông lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận cấu thành của Phông lưu trữ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và toàn bộ tài liệu của Phông thuôc sở hữu Quốc gia, tức sở hữu toàn dân.(“Toàn bộ tài liệu lưu trữ có ý nghĩa thực tiễn và lịch sử về chính trị, kinh tế, khoa học, văn hóa-xã hội thuộc sở hữu của Quốc gia, không phụ thuộc vào thời gian sản sinh ra, phương pháp và kỹ thuật chế tác, được bảo quản trong các kho lưu trữ của Đảng, Nhà nước và kho lưu trữ của các tổ chức thuộc thành phần kinh tế-xã hội khác trong toàn quốc”[[5]](#footnote-5)). Trong lúc đó, ở thuật ngữ ” Phông lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam” lại khẳng định tài liệu Phông lưu trữ Đảng thuộc sở hữu của Đảng Cộng sản Việt Nam (“Toàn bộ tài liệu lưu trữ của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có ý nghĩa thực tiễn và lịch sử về chính trị, kinh tế, khoa học, văn hóa- xã hội... thuộc sở hữu của Đảng Cộng sản Việt Nam, không phụ thuộc vào thời gian sản sinh, phương pháp và kỹ thuật chế tác, được bảo quản trong hệ thống kho lưu trữ của Đảng”[[6]](#footnote-6)).

**2. Không ít thuật ngữ chưa được hiểu chính xác, thống nhấ, sử dụng và vận dụng đúng đắn trong nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn.**

Trong nghiên cứu và hoạt động thực tiễn về lưu trữ của các cơ quan, tổ chức hiện nay, có không ít thuật ngữ đã không được cán bộ lưu trữ nhận thức một cách chính xác và thống nhất nội hàm của khái niệm, dẫn đến việc xử lý thiếu chính xác, hoặc không thống nhất. Ví như đối với các thuật ngữ “quan điểm chính trị”, “quan điểm lịch sử”,” quan điểm toàn diện và tổng hợp” thường có những giải thich khác nhau, và không thể hiện rõ tính chất khoa học, khách quan của các khái niệm mang tính phương pháp luận này; hay như không phân biệt được công dụng và sự khác nhau giữa Bảng thời hạn bảo quản tài liệu tiêu biểu hình thành trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức với Bảng thời hạn bảo quản tài liệu mẫu, dẫn đến nhầm lẫn, sai sót trong xác định giá trị tài liệu; hoặc như đối với các cặp thuật ngữ “thu thập tài liệu” và “bổ sung tài liệu”, “khai thác tài liệu” và “sử dụng tài liệu”, nhiều người quan niệm đó là những cặp thuật ngữ đồng nghĩa, nhưng lại có ý kiến cho rằng không phải thế; trong thực tế còn có trường hợp các cặp thuật ngữ đó được sử dụng bằng cách ghép lại với nhau, ví như “thu thập bổ sung tài liệu”, “khai thác sử dụng tài liệu”.

Thấy được thực trạng có nhiều thuật ngữ chuyên ngành không được nhận thức chính xác và thống nhất, cách đây 5 năm, Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam đã mở Chuyên mục “ Từ điển mở Thuật ngữ Văn thư-Lưu trữ -Văn phòng“ kể từ số 1- 2015, nhằm mục đích trao đổi, luận bàn để đi đến nhận thức chính xác đối với các thuật ngữ về văn thư, lưu trữ và văn phòng. Chuyên mục đã được đông đảo độc giả tham gia bàn thảo, có nhiều ý kiến và đề xuất xác đáng đối với một số thuật ngữ.Theo tôi, ở một mức độ nhất định, chuyên mục này đã có tác dụng giúp cho cán bộ văn thư, lưu trữ các ngành, các cấp hiểu rõ ràng và đầy đủ hơn về nội hàm của một số thuật ngữ văn thư, lưu trữ thường dùng như hồ sơ, lập hồ sơ , xác định giá trị tài iiệu, chỉnh lý tài liệu, v.v…Tiếc rằng, đến tháng 6 năm 2019 thì Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam đã đình bản theo quyết định của Bộ Nội vụ nhằm thực hiện chủ trương tinh giản đầu mối báo chí của Nhà nước. Tuy vậy, nếu Văn thư Lưu trữ Việt Nam không đình bản thi chuyên mục này của Tạp chí vẫn tồn tại một hạn chế khó khắc phục là các ý kiến trao đổi, bàn luận của độc giả hay của” chuyên gia” về một thuật ngữ nào đó cho dù là chính xác cũng không mang tính chính thức, Theo tôi, để giúp những người làm nghiệp vụ và quản lý công tác luu trữ, nghiên cứu và giảng dạy về lưu trữ học hiểu chính xác, đầy đủ và thống nhất về các thuật ngữ lưutrữ, cần xây dựng mội công cụ tra cứu khoa học về hệ thống thuật ngữ lưu trữ mà các khái niệm được giải thích một cách chính xác. Đó chính là Từ điển Thuật ngữ lưu trữ Việt Nam.Điều đáng mừng là Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, cơ quan trực tiếp quản lý nhà nước về công tác văn thư và lưu trữđã nhận thức được tầm quan trọng của thuật ngữ lưu trữ, nên khoảng 10 năm trước, đã tiến hành nghiên cứu 2 đề tài cấp ngành về thuật ngữ văn thư, lưu trữ và bước đầu tổ chức việc biên soạn cuốn từ điển thuật ngữ của ngành. Tuy nhiên, để biên soạn được một cuốn Từ điển thuật ngữ lưu trữđảm bảo yêu câu của một từ điển thuật ngữ là chính xác, hệ thống, vừa tiếp thu được thành tựu của quốc tế lại vừa thể hiện được thực tiễn lưu trữ Việt Nam,. C ục Văn thư và Lưu trữ nhà nước cần tổ chúc tốt việc biên soạn, tập trung được trí tuệ của giới khoa học trong ngành, có sự tham vấn các chuyên gia về ngôn ngữ học và từ điển hoc Thiết nghĩ, chúng ta nên xem việc biên soạn từ điên thuật ngữ lưu trữ là công việc có tính học thuât cao; biên soạn thành công một cuốn từ điển thuật ngữ lưu trữ Việt Nam chuẩn mực (hoặc tương đối chuẩn mực , sẽ là dấu ấn thể hiện bước tiến bộ và phát triền của lưu trữ học Việt Nam./..

1. Cục Lưu trữ nhà nước, Từ điển Lưu trữ Việt Nam, Hà Nội, 1992, trang 37 [↑](#footnote-ref-1)
2. Sdd, Hà Nội, 1992, trang 25 [↑](#footnote-ref-2)
3. ,2 Cục Lưu trữ nhà nước, Từ điển Lưu trữ Viêt Nam, Hà Nội, 1992, trang 55 [↑](#footnote-ref-3)
4. [↑](#footnote-ref-4)
5. ,4 . Sdd, Hà Nội, 1992, trang 64, 63 [↑](#footnote-ref-5)
6. [↑](#footnote-ref-6)